

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2022
(V/: TrAh chấp yêu cầu xin
ly hôn và nuôi con chung)

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông DAh Văn A

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Dương Thị Tú Phương

2/. Bà Võ Tuyết Kha

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 97/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc “TrAh chấp yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị TTTA, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp P2, xã VPT, huyện PL, tỉnh BL.

- Bị đơn: Ah ĐVH, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp P2, xã VPT, huyện PL, tỉnh BL.

(Chị A có đơn xin vắng mặt, Ah H vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2022, các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị TTTA trình bày: Vào năm 2008, được sự cho phép của hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương cho chị và Ah H nên vợ thành chồng, hôn nhân của chị và Ah H là hoàn toàn tự nguyện, sau đó

chị và Ah H có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Bửu, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân mâu thuẫn để chị yêu cầu xin ly hôn với Ah H là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc như trước. Ah H có người phụ nữ khác ở bên ngoài, chị đã từng bắt gặp Ah H với người phụ nữ đó và chị cũng đã từng tha thứ để cho Ah H có cơ hội về lo cho các con nhưng Ah H không chịu thay đổi mà vẫn tính nết nào tật nấy ngày càng lạnh nhạt với chị, không quan tâm đến vợ con, đến cuộc sống gia đình. Từ đó, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau, hiện tại chị không còn tình cảm gì với Ah H nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Ah H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị và Ah H có 02 người con chung tên ĐDK, sinh ngày 24/4/2008 và Đào Gia Phú, sinh ngày 17/12/2018. Hiện tại cả hai cháu KhA và Phú đang sống cùng với chị nên nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cả hai con và không yêu cầu Ah H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định vợ chồng chung sống với nhau không có tài sản chung và nợ chung nên khi ly hôn chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn Ah H: Mặc dù Ah H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng Ah H vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với Ah H theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu qua điềm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn chị TTTA là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn Ah H chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Chị A và Ah H kết hôn với nhau vào năm 2008, hôn nhân của Ah chị là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của Ah chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng Ah chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, hiện tại Ah chị mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Xét thấy hôn nhân giữa chị A và Ah H nếu tiếp tục kéo dài thì cũng không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của Ah chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị A được ly hôn với Ah H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Từ khi chị A và Ah H sống ly thân cho đến nay thì chị A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu KhAg và Phú. Mặc khác, qua tiếp xúc với cháu KhAg thì cháu có nguyện vọng được sống cùng với chị A khi chị A và Ah H ly hôn với nhau. Ah H không trAh chấp quyền nuôi con với chị A nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 02 người con chung tên ĐDK, sinh ngày 24/4/2008 và Đào Gia Phú, sinh ngày 17/12/2018 cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn chị A và Ah H không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình chị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị A có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc trAh chấp ly hôn với Ah ĐVH, Ah H có địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh BL. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Chị TTTA có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị A.

Ah ĐVH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng Ah H vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Ah H.

[2] Về nội dung vụ án: Chị A và Ah H kết hôn với nhau vào năm 2008, hôn nhân của Ah chị là hoàn toàn tự nguyện, sau đó Ah chị có đi đăng ký kết hôn và được Ủy bA nhân dân xã Vĩnh Bửu, huyện Tân Hưng, tỉnh Long A cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của Ah chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với Ah H thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng trong thời giA chung sống vợ chồng chị A và Ah H lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Hiện tại chị A và Ah H cũng đã sống ly thân với nhau khoảng 02 năm nay. Trong thời giA qua cả hai Ah chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện Ah chị mong muốn hàn gắn lại với nhau, Ah chị không còn quA tâm chăm sóc cho nhau. Như vậy chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của chị A và Ah H là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không

còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của Ah chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với Ah H là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời gia chung sống vợ chồng chị A và Ah H chung sống với nhau có 02 người con chung tên ĐDK, sinh ngày 24/4/2008 và Đào Gia Phú, sinh ngày 17/12/2018. Từ lúc chị A và Ah H sống ly thân với nhau đến nay thì chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu KhAg và Phú. Chị A vẫn đảm bảo về điều kiện cho sự phát triển của con và nguyện vọng của cháu KhAg cũng mong muốn được sống cùng với chị A khi chị A và Ah H ly hôn với nhau. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của hai cháu KhAg và Phú khi đAg sống với chị A nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải giao người con chung tên ĐDK, sinh ngày 24/4/2008 và Đào Gia Phú, sinh ngày 17/12/2018 cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Chị TTTA không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho Ah ĐVH.

Ah ĐVH có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Nếu sau này Ah H chứng minh được việc chị A nuôi con, nhưng không lo lắng chăm sóc tốt cho cuộc sống của con thì Ah có quyền nộp đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị TTTA và Ah ĐVH không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quA hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị TTTA. Cho chị TTTA được ly hôn với Ah ĐVH.

2/. Về con chung: Giao 02 người con chung tên ĐDK, sinh ngày 24/4/2008 và Đào Gia Phú, sinh ngày 17/12/2018 cho chị TTTA được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị TTTA không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho Ah ĐVH.

Ah ĐVH có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về quA hệ tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị TTTA phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005089 ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

5/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6/. Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAD tỉnh BL;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

DAh Văn A

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2022
(V/: TrAh chấp yêu cầu xin
ly hôn và nuôi con chung)

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông DAh Văn A

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Dương Thị Tú Phương

2/. Bà Võ Tuyết Kha

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 97/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc “TrAh chấp yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị TTTA, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp P2, xã VPT, huyện PL, tỉnh BL.

- Bị đơn: Ah ĐVH, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp P2, xã VPT, huyện PL, tỉnh BL.

(Chị A có đơn xin vắng mặt, Ah H vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2022, các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị TTTA trình bày: Vào năm 2008, được sự cho phép của hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương cho chị và Ah H nên vợ thành chồng, hôn nhân của chị và Ah H là hoàn toàn tự nguyện, sau đó chị và Ah H có đi đăng ký kết hôn và được Ủy bA nhân dân xã Vĩnh Bửu, huyện Tân Hưng, tỉnh Long A cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân mâu thuẫn đề chị yêu cầu xin ly hôn với Ah H là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc như trước. Ah H có người phụ nữ khác ở bên ngoài, chị đã từng bắt gặp Ah H với người phụ nữ đó và chị cũng đã từng tha thứ để cho Ah H có cơ hội về lo cho các con nhưng Ah H không chịu thay đổi mà vẫn tính nết ngày càng lạnh nhạt với chị, không quan tâm đến vợ con, đến cuộc sống gia đình. Từ đó, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau, hiện tại chị không còn tình cảm gì với Ah H nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Ah ĐVH.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị và Ah H có 02 người con chung tên ĐĐK, sinh ngày 24/4/2008 và Đào Gia Phú, sinh ngày 17/12/2018. Hiện tại cả hai cháu KhAg và Phú đAg sống cùng với chị nên nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cả hai con và không yêu cầu Ah H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định vợ chồng chung sống với nhau không có tài sản chung và nợ chung nên khi ly hôn chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn Ah ĐVH: Mặc dù Ah H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng Ah H vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với Ah H theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu qua điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn chị TTTA là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn Ah ĐVH chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Chị A và Ah H kết hôn với nhau vào năm 2008, hôn nhân của Ah chị là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của Ah chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng Ah chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, hiện tại Ah chị mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Xét thấy hôn nhân giữa chị A và Ah H nếu tiếp tục kéo dài thì cũng không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của Ah chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị A được ly hôn với Ah H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Từ khi chị A và Ah H sống ly thân cho đến nay thì chị A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu KhAg và Phú. Mặc khác,

qua tiếp xúc với cháu KhAg thì cháu có nguyện vọng được sống cùng với chị A khi chị A và Ah H ly hôn với nhau. Ah H không trAh chấp quyền nuôi con với chị A nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 02 người con chung tên ĐDK, sinh ngày 24/4/2008 và Đào Gia Phú, sinh ngày 17/12/2018 cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn chị A và Ah H không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình chị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị A có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc trAh chấp ly hôn với Ah ĐVH, Ah H có địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh BL. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Chị TTTA có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị A.

Ah ĐVH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng Ah H vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Ah H.

[2] Về nội dung vụ án: Chị A và Ah H kết hôn với nhau vào năm 2008, hôn nhân của Ah chị là hoàn toàn tự nguyện, sau đó Ah chị có đi đăng ký kết hôn và được Ủy bA nhân dân xã Vĩnh Bửu, huyện Tân Hưng, tỉnh Long A cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của Ah chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với Ah H thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng trong thời giA chung sống vợ chồng chị A và Ah H lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Hiện tại chị A và Ah H cũng đã sống ly thân với nhau khoảng 02 năm nay. Trong thời giA qua cả hai Ah chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện Ah chị mong muốn hàn gắn lại với nhau, Ah chị không còn quA tâm chăm sóc cho nhau. Như vậy chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của chị A và Ah H là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của Ah chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 51,

Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với Ah H là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị A và Ah H chung sống với nhau có 02 người con chung tên ĐDK, sinh ngày 24/4/2008 và Đào Gia Phú, sinh ngày 17/12/2018. Từ lúc chị A và Ah H sống ly thân với nhau đến nay thì chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu KhAg và Phú. Chị A vẫn đảm bảo về điều kiện cho sự phát triển của con và nguyện vọng của cháu KhAg cũng mong muốn được sống cùng với chị A khi chị A và Ah H ly hôn với nhau. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của hai cháu KhAg và Phú khi đang sống với chị A nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải giao người con chung tên ĐDK, sinh ngày 24/4/2008 và Đào Gia Phú, sinh ngày 17/12/2018 cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Chị TTTA không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho Ah ĐVH.

Ah ĐVH có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Nếu sau này Ah H chứng minh được việc chị A nuôi con, nhưng không lo lắng chăm sóc tốt cho cuộc sống của con thì Ah có quyền nộp đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị TTTA và Ah ĐVH không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị TTTA. Cho chị TTTA được ly hôn với Ah ĐVH.

2/. Về con chung: Giao 02 người con chung tên ĐDK, sinh ngày 24/4/2008 và Đào Gia Phú, sinh ngày 17/12/2018 cho chị TTТА được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị TTТА không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho Ah ĐVH.

Ah ĐVH có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về quA hệ tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị TTТА phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005089 ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

5/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6/. Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa Hội thẩm nhân dân

Dương Thị Tú Phương

DAh Văn A

Võ Tuyết Kha

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PL, ngày 28 tháng 6 năm 2022

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay, vào lúc.....giờ.....phút ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại Phòng nghị án của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **ĐA^h Văn A**
- Cùng các vị Hội thẩm:

1/. Bà **Dương Thị Tú Phương**

2/. Bà **Võ Tuyết Kha**

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình về việc trAh chấp yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung thụ lý số: 97/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị TTTA, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp P2, xã VPT, huyện PL, tỉnh BL.

- Bị đơn: Ah ĐVH, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp P2, xã VPT, huyện PL, tỉnh BL.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trAh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất 3/3, quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quA hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị TTTA. Cho chị TTTA được ly hôn với Ah ĐVH.

2/. Về con chung: Giao 02 người con chung tên ĐDK, sinh ngày 24/4/2008 và Đào Gia Phú, sinh ngày 17/12/2018 cho chị TTTA được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị TTTA không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho Ah ĐVH.

Ah ĐVH có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về quA hệ tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị TTTA phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005089 ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

5/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6/. Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết lúc vào lúc.....giờ.....phút, ngày 28 tháng 6 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Tú Phương

Võ Tuyết Kha

DAh Văn A